**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I LỚP 9**

**Phân môn Địa Lí**

**a) Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| 1 | **ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM**  ***(5 tiết)***  **(2 điểm)** | – Thành phần dân tộc  – Gia tăng dân số ở các thời kì  – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính  – Phân bố dân cư  – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn  – Lao động và việc làm  – Chất lượng cuộc sống | 4TN\* |  | 1 TL(a)\*  (1 điểm) |  |
| 2 | **ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**  **NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN**  ***(5 tiết)***  **(2 điểm)** | – Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  – Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh | 2TN\* | 1TL\*  (1,5 điểm) |  |  |
| **CÔNG NGHIỆP**  ***(3 tiết)***  **(1 điểm)** | – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp  – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu  – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh | 2TN\* |  |  | 1 TL(b)  (0,5 điểm) |
| Số câu/ loại câu | | | 8 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | | ***20***  *(2 điểm)* | ***15***  *(1,5 điểm)* | ***10***  *(1 điểm)* | ***5***  *(0,5điểm)* |

**b) Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | **ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM**  ***(5 tiết)***  **(2 điểm)** | – Thành phần dân tộc  – Gia tăng dân số ở các thời kì  – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính  – Phân bố dân cư  – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn  – Lao động và việc làm  – Chất lượng cuộc sống | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.  **Vận dụng**  – Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.  – Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.  – Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.  – Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước. | 4TN\* |  | 1TL(a)\* |  |
| 2 | **ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**  **NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN**  ***(5 tiết)***  **(2 điểm)** | – Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  – Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh | **Nhận biết**  – Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản.  **Thông hiểu**  – Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp (các nhân tố tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, nước, sinh vật; các nhân tố kinh tế-xã hội: dân cư và nguồn lao động, thị trường, chính sách, công nghệ, vốn đầu tư).  – Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.  – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. | 2TN\* | 1TL\* |  |  |
|  | **CÔNG NGHIỆP**  ***(3 tiết)***  **(1 điểm)** | – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp  – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu  – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh | **Nhận biết**  – Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu: (theo QĐ 27)  – Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.  **Vận dụng cao**  – Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. | 2TN\* |  |  | 1TL(b) |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I LỚP 9**

**Phân môn Địa Lí**

**Thời gian:** ….. **phút**

**I/ Phần trắc nghiệm**

**Câu 1**. Dân tộc Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở

**A.** khu vựcmiền núi, trung du. **B.** khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên.

**C.** trung du, miền núi Bắc Bộ. **D.** đồng bằng, trung du và duyên hải.

**Câu 2**. Dân tộc H’Mông phân bố tập trung nhiều nhất ở đâu?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Trường Sơn - Tây Nguyên.

**C.** Nam Trung Bộ và Nam Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 3**. Sự bùng nổ dân số ở nước ta diễn ra mạnh nhất ở giai đoạn nào sau đây?

**A.** Đầu thế kỉ XX. **B.** Cuối thế kỉ XIX.

**C.** Nửa cuối thế kỉ XX. **D.** Đầu thế kỉ XXI.

**Câu 4**. Dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở

**A.** miền núi, trung du. **B.** đồng bằng, ven biển.

**C.** trung du, đồng bằng, ven biển. **D.** miền núi, đồng bằng, ven biển.

**Câu 5**. Cây công nghiệp được trồng nhiều nhất ở vùng Tây Nguyên là

**A.** cao su. **B.** cà phê. **C.** chè. **D.** hồ tiêu.

**Câu 6**. Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm chất lượng rừng nước ta là

**A.** cháy rừng. **B.** chiến tranh kéo dài.

**C.** đốt nương làm rẫy. **D.** khai thác rừng bừa bãi.

**Câu 7**. Ngành công nghiệp nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

**A.** Dệt may. **B.** Khai thác nhiên liệu.

**C.** Chế biến gỗ, lâm sản. **D.** Chế biến lương thực thực phẩm.

**Câu 8**. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?

**A.** Kinh tế - xã hội. **B.** Tài nguyên khoáng sản.

**C.** Dân cư - xã hội. **D.** Dân cư và nguồn lao động.

**II/ Phần tự luận**

Câu 9. Phân tích thuận lợi và khó khăn của nhân tố khí hậu đối với sự phát triển nông nghiệp nước ta?

Câu 10. *Cho bảng số liệu sau:*

MẬT ĐỘ DÂN SỐ TRUNG BÌNH CỦA CẢ NƯỚC

VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2019

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng** | **Mật độ dân số** (người/km2) |
| Cả nước | 290 |
| Trung du miền núi Bắc Bộ | 132 |
| Đồng bằng sông Hồng | 1060 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ | 211 |
| Tây Nguyên | 107 |
| Đông Nam Bộ | 757 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 423 |
| *(Nguồn: Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019)* | |

**a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện mật độ dân số của cả nước và các vùng kinh tế nước ta năm 2019.

**b.** Giải thích được tại sao nước ta cần phát triển công nghiệp xanh?

**d) Hướng dẫn chấm**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I LỚP 9**

**Phân môn Địa Lí**

**Thời gian:** ….. **phút**

**I/ Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | D | D | C | B | B | D | C | A |

**II/ Phần tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| Câu 9 | **Phân tích thuận lợi và khó khăn của nhân tố khí hậu đối với sự phát triển nông nghiệp nước ta**  **- Thuận lợi**  + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển xanh tốt  + Khí hậu có sự phân hoá đa dạng theo chiều bắc-nam, đông-tây, theo độ cao góp phần tạo nên cơ cấu cây trồng vật nuôi đa dạng  **- Khó khăn:**  + Nhiều thiên tai...  + Nhiều sâu bệnh, dịch bệnh... | **1.5**  0.5  0.5  0.25  0.25 |
| Câu 10 | **a. Vẽ biểu đồ**  - Đúng dạng biểu đồ cột  - Đầy đủ các tiêu chí:  + Tên biểu đồ  + Đơn vị trục tung, trục hoành  + Số liệu  + Mũi tên  **( Lưu ý thiếu mỗi ND trừ 0,25 đ)** | **1** |
| **b**. **Việc phát triển công nghiệp xanh sẽ giúp Việt Nam:**  - Tiết kiệm đầu vào năng lượng, nguyên liệu, tăng hiệu suất sử dụng, giảm nhập khẩu nhiên liệu, đồng thời giảm gánh nặng nhập siêu cho nền kinh tế.  - Tạo nhiều việc làm mới góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo đảm môi trường bền vững. | **0.5**  0.25  0.25 |